



CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
VIETNAM RAILWAY
CONSTRUCTION CORPORATION
JOINT-STOCK COMPANY

Số/No: 10 /2026/NQ-VRCC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Viet Nam

Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Hanoi, February 12th, 2026.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 and its amendments and implementing regulations;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 and its amendments and implementing regulations;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Công trình đường sắt Việt Nam (dưới đây viết tắt là Tổng Công ty) và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty;

Pursuant to the Charter of Vietnam Railway Construction Corporation – JSC and the Internal Regulations on Corporate Governance of the Corporation;

- Căn cứ theo Biên bản họp số 03/2026/VRCC-HĐQT ngày 12/02/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty,

Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' Meeting No. 03/2026/VRCC-BOD dated 12/02/2026,

QUYẾT NGHỊ/ RESOLVED THAT:

Điều/Article 1. Thông qua các giao dịch với các bên liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT cụ thể như sau:

To approve related-party transactions under the authority of the Board of Directors as listed following:

STT No.	TÊN CÔNG TY COMPANY NAME	LOẠI GIAO DỊCH TYPE OF TRANSACTION	MỐI QUAN HỆ RELATIONSHIP
1.	Công ty CP Công trình 791 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 791</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. - <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i> 	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
2.	Công ty CP Công trình 792 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 792</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. - <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i> 	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
3.	Công ty CP Công trình 793 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 793</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. - <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i> 	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>

STT No.	TÊN CÔNG TY COMPANY NAME	LOẠI GIAO DỊCH TYPE OF TRANSACTION	MỐI QUAN HỆ RELATIONSHIP
4.	Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 796</i>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyên nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
5.	Công ty CP Đầu tư xây dựng công trình 798 <i>Railway Construction Investment Joint Stock Company No. 798</i>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyên nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
6.	Công ty CP Công trình 875 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 875</i>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyên nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than</i></p>	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution,</i>

STT No.	TÊN CÔNG TY COMPANY NAME	LOẠI GIAO DỊCH TYPE OF TRANSACTION	MỐI QUAN HỆ RELATIONSHIP
		<i>35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i>	<i>operating within the group</i>
7.	Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 <i>Railway Mechanical and Construction Joint Stock Company No. 878</i>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
8.	Công ty CP Công trình 879 <i>Railway Construction Joint Stock Company No. 879</i>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	Cty có vốn đầu tư của TCT hoạt động trong nhóm công ty <i>Company in which the Corporation has capital contribution, operating within the group</i>
9.	Công ty CP Đá Hoàng Mai	- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35%	Công ty con hoạt động trong nhóm công ty

STT No.	TÊN CÔNG TY COMPANY NAME	LOẠI GIAO DỊCH TYPE OF TRANSACTION	MỐI QUAN HỆ RELATIONSHIP
	<i>Hoang Mai Stone Joint Stock Company</i>	<p>hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	<i>Subsidiary operating within the group</i>
10.	<p>Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Đường sắt Đà Nẵng</p> <p><i>Da Nang Railway Materials One Member Limited Liability Company</i></p>	<p>- Giao dịch vay, cho vay, bảo đảm (bảo lãnh, cầm cố, thế chấp,...); Giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm; Hợp đồng hợp tác đầu tư, chuyển nhượng cổ phần; Giao dịch cung cấp dịch vụ: có giá trị dưới 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.</p> <p>- <i>Loans, lending, guarantees (surety, pledge, mortgage, etc.); Trading of goods and semi-finished products; Investment cooperation contracts; share transfers; Service provision transactions: with a value of less than 35%, or transactions resulting in the total transaction value arising within 12 months from the date of the first transaction being less than 35% of total assets as recorded in the latest financial statements of the Corporation</i></p>	<p>Công ty con hoạt động trong nhóm công ty</p> <p><i>Subsidiary operating within the group</i></p>

Điều/Article 2. Ban Tổng giám đốc tiến hành giao dịch với các công ty có tên tại Điều 1 Nghị quyết này phải thực hiện ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện theo quy định pháp luật, quy định, quy chế có liên quan của Tổng công ty.

The member of the General Director Board shall carry out transactions with the companies specified in Article 1 of this Resolution through written contracts, based on the principles of equality and voluntariness, and in compliance with applicable laws, the Charter, and relevant internal regulations of the Corporation

Điều/Article 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

This Resolution takes effect from the date of signing.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng/ban và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Members of the Board of Directors, member of the General Director Board, and relevant departments and individuals shall be responsible for the implementation of this Resolution.

Nơi nhận/Recipients:

- TV HĐQT/Members of the Board of Directors;
- Các TV Ban TGD/Members of the General Director Board;
- Lưu VP HĐQT/ Kept at BOD's office for archived.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
FOR AND ON BEHALF OF
THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH /CHAIRMAN**



Vũ Đức Tiên